



shēn fèn zhèng

身份证

Noun · identity card

Example Sentences

qǐng chū shì shēn fèn zhèng bàn lǐ shǒu xù
请出示身份证 办理手续。

Please show your ID card to complete the procedure

wǒ qù gōng ān jú bàn shēn fèn zhèng
我去公安局办身份证。

I went to the public security bureau to apply for an ID card.

wǒ qù shēn lǐng shēn fèn zhèng
我去申领身份证。

I went to apply for an ID card.

Trace each character, then write the word on your own.

身	身	身	身	身	身	身	身	身	身		
份	份	份	份	份	份	份	份	份	份		
证	证	证	证	证	证	证	证	证	证		